

Như chúng tôi từng đã nói, trong cuộc chiến Việt Nam, sự “đồng minh” giữa đồng CSVN và đồng CSTQ cũng như sự “đồng minh” giữa VNCH và Hoa Kỳ đều mang nhiều những bí mật. Những chuyện bí mật trong quan hệ Việt - Trung đã được mô tả khá rõ nét trong tập “Sức Thót Vết Quan Hệ Việt Nam - Trung Quốc Trong 30 Năm Qua” do Bộ Ngoại Giao Hà Nội xuất bản năm 1979. Trái lại, những chuyện bí mật trong quan hệ Việt – Mỹ chưa được giới thiệu qua thời gian.

Mới đây, hôm 23.6.2009, Văn Khố Quốc Gia (National Archives) Hoa Kỳ đã công bố những cuốn băng ghi âm dài hơn 150 giờ về các cuộc đàm thoại của cựu Tổng thống Nixon, trong đó ông cho trích giới thiệu thông và Quốc hội Hoa Kỳ đã hủy hoại những nội dung của văn cuộc chiến tranh Việt Nam. Để biết, để ép buộc Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu phải ký vào hiệp định ngừng chiến do Mỹ và Hà Nội soạn thảo, ông nói với ông Thiệu không cần ký, ông sẵn sàng “cắt đầu nếu cần thiết” (cut off his head if necessary). Ông đã yêu cầu Ngoại Trưởng Kissinger nói với Tổng thống Thiệu rằng Quốc Hội Mỹ sẽ cắt viện trợ nếu Sài Gòn không đồng ý với kết quả hòa đàm.

Thật ra, đây chỉ là phần thứ hai của bộ tài liệu nói về kế hoạch tiến tới chiếm dứt chiến tranh Việt Nam của Hoa Kỳ. Phần thứ nhất đã được Văn Khố An Ninh Quốc Gia (National Security Archive) của Hoa Kỳ công bố ngày 26.5.2006 gồm 2.100 bản văn (memoranda) dài 28.000 trang mang tên “The Kissinger Transcripts: A Verbatim Record of U.S. Diplomacy, 1969-1977” (Bản chép lời của Kissinger: Mất hết sự đúng nguyên văn của ngành Ngoại Giao Hoa Kỳ, 1969 – 1977). Tài liệu này đã được chúng tôi tóm lược và phân tích trong bài “Chuyện hậu sự Kissinger” phát hành ngày 16.6.2006.

Những chuyện bí mật về quan hệ Việt – Mỹ không phải mới khi Mỹ muốn chiếm dứt chiến tranh Việt Nam mà khi Mỹ quyết định nhẩy vào Đông Dương thay Pháp, nhất là kế hoạch của Tổng thống Kennedy trước. Về Tổng thống Nixon đòi “cắt đầu” Tổng thống Thiệu cũng chỉ là một sự tái diễn những gì đã xảy ra trước đó. Phải nhìn lại những diễn biến lịch sử này chúng ta mới có thể rút ra được những bài học lịch sử.

BỘ THUỐC ĐÀO VÀ TOÀN QUYỀN ĐÔNG DƯƠNG

Ngày xưa, người Pháp đến đô hội miền Nam và “bỏ họ” miền Bắc và Miền Trung Việt Nam đều có ký hiệp ước với Triều Đình Huế. Đến năm 1887, Pháp kết hợp Bắc Kỳ, Trung Kỳ, Nam Kỳ và Cao Miên lại thành Liên Bang Đông Dương (Union Indochinoise) do một Toàn Quyền Đông Dương (Gouverneur Général de l'Indochine) Hà Nội cai trị và đặt dưới quyền của Bộ Thuộc Địa (Ministère des Colonies).

Tuy chính phủ Mỹ không hề ký với các chính phủ Việt Nam một hiệp ước nào về quyền “đô hộ” hay “bỏ họ” như chính phủ Pháp trước đây, nhưng Bộ Ngoại Giao Hoa Kỳ đã từng đồng ý biến thành Bộ Thuộc Địa để áp đặt một chính sách và đồng ý với của Hoa Kỳ lên trên miền Nam và một vài Đới Sĩ Mỹ tại Sài Gòn đã từng coi mình như Toàn Quyền Đông Dương hay Cao ủy Miền Đông Dương, thậm chí đồng ý với Việt gọi là “Quan Thái Thú”. Trùm CIA (CIA Station) tại Tòa Đới Sĩ Mỹ ở Sài Gòn đã hoạt động giống hệt Sĩ Mật Tham hay Sĩ Liêm Phóng Đông Dương (Service de Sureté Générale de l'Indochine) của Pháp ngày xưa! Các Lãnh Sĩ Mỹ ở thời cũng đóng vai trò của các Công Sĩ Pháp.

Đến thời Tổng thống Eisenhower, ông Elbridge Durbrow khi làm Đới Sĩ Mỹ tại VNCH (1957 – 1960), đã từng coi mình là Toàn Quyền Đông Dương, buộc Tổng thống Ngô Đình Diệm phải thi hành các chính sách của ông mới được nhận viện trợ. Những Washington không đồng ý với những chuyện và cách thức hành động của ông, nên ông chỉ làm gì được thì đến cuối năm 1960

ông đã bỏ thay thế vì có liên hệ đến cuộc đổ bộ chính ngày 11.11.1960.

Đến thời điểm Tổng Trưởng Kennedy, Averell W. Harriman, đã trở thành một con người có thể làm nhút nhát Washington vì được Tổng Trưởng Kennedy tin cậy nhất, một câu ông ta chỉ là Phó Tá Ngoại Giao với Đông Nam Á S. V và sau đó trở thành Thứ Trưởng Ngoại Giao để trách với Chính Trưởng S. V. Ông nghiên cứu nhiên trở thành Bộ Trưởng Ngoại Bộ Thuộc Địa khi Tổng Trưởng Kennedy quyết định “trung lập hóa” Lào để giải quyết cuộc chiến Việt Nam và giao cho ông thi hành quyết định này. Khi giải pháp “trung lập hóa” Lào bắt đầu bế tắc, ông quyết định mời ông Diệm và đồng nghiệp Tổng Trưởng Kennedy đưa ông Henry Cabot Lodge đến Sài Gòn làm Toàn Quyền Đông Dương để thúc đẩy tiến trình này.

Sau khi Tổng Trưởng Ngô Đình Diệm bắt đầu, miền Nam gần như không còn chủ quyền nữa.

Sau đây là những sự kiện chính có thể giúp chúng ta hiểu rõ chính sách của Hoa Kỳ trong cuộc chiến Việt Nam hiện.

BỘ TRƯỞNG THUỘC ĐA HARRIMAN

Trước khi nhậm chức Tổng Trưởng, ngày 19.1.1961 ông Kennedy đã họp với Tổng Trưởng Eisenhower để nghe trình bày về vấn đề Đông Dương. Tổng Trưởng Eisenhower nói rằng Lào là một chủ đề của toàn bộ khu vực Đông Nam Á. Nếu Lào sụp đổ, cả khu vực sẽ sụp đổ. Nhưng sau khi nhậm chức Tổng Trưởng, ông Kennedy đã hành động theo cảm tính. Ông nói ông không muốn là kẻ thù của chính sách Đông Nam Á của Tổng Trưởng Eisenhower. Ông thích một giải pháp ngoại giao hơn là quân sự. Ông ra lệnh cho Harriman tìm cách “trung lập hóa” Lào bằng mọi giá với sự tin tưởng rằng sau khi Lào trở thành trung lập, Cộng Sản Bắc Việt sẽ không còn được xâm nhập miền Nam nữa!

Ngày 16.5.1961 Hội Nghị Quốc Tế Giải Quyết Vấn Đề Lào được tổ chức tại Genève.

1.- Cái nhìn của ông Ngô Đình Nhu

Tháng 7 năm 1961, hoàng tử nước Morocco là Moulay Hassan lên ngôi kế vị cha, được gọi là Hoàng Đế Hassan II. Nhân dịp này, Tổng Trưởng Ngô Đình Diệm đã cử ông Ngô Đình Nhu, Cố Vấn Chính Trưởng của Tổng Trưởng, đi diện chính phủ Việt Nam Cộng Hòa đi dự lễ đăng quang này với mục đích tạo cơ hội cho ông ghé Genève theo luật của ông Harriman với vấn đề trung lập Lào. Ông Nhu đã ghé qua Pháp rồi cũng Giáo sư Bou H di đến Rabat để lễ. Sau đó ông trở lại Pháp rồi cùng ông Cao Xuân V và người con gái là cô Ngô Đình Lệ Thủy đến Genève gặp Harriman đang tham dự hội nghị trung lập Lào tại đây.

Ông Cao Xuân V tiếp xúc thu thập thông tin, theo chương trình, ông Harriman chỉ chú ý ông Nhu trong vòng nửa tiếng. Ông V và cô Ngô Đình Lệ Thủy không được tham dự. Nhưng cuộc nói chuyện đã kéo dài đến 3 tiếng đồng hồ. Khi Harriman tiễn ông Nhu đi ra cửa phòng, ông thấy một người người đến hỏi thăm. Sau đó, ông Nhu có than phiền với ông V: “Thế ông cha này chỉ nghĩ hiểu gì hết!”. Ông V hiểu rằng Harriman không chú ý bất cứ trình trung lập hóa Lào. Trong buổi ăn tối, ông Nhu đã tiết lộ hai điểm rất quan trọng nói lên sự ngạo mạn của Harriman: Điểm thứ nhất: Harriman cho rằng Việt Nam chỉ là bang California, thế mà người Mỹ còn mua California được, miền Nam Việt Nam không nghĩa lý gì!

Điểm thứ hai: Harriman khẳng định rằng vấn đề Lào là vấn đề riêng giữa chính phủ Mỹ và chính phủ Lào, vấn đề này không liên hệ gì đến VNCH. Chính phủ VNCH cần lo vấn đề Việt Nam đi, đừng can thiệp vào vấn đề Lào.

Ông Nhu trở lại rằng vấn đề Lào liên quan đến sự tồn vong của Miền Nam Việt Nam nên chính phủ Miền Nam phải quan tâm, nhưng Harriman gạt đi.

2.- Đề do Tổng Trưởng Diệm

Vì có sự bất đồng giữa Harriman và ông Ngô Đình Nhu, ông Diệm đã rút phái đoàn VNCH khỏi hội nghị Genève. Trung tuần tháng 9 năm 1961, Harriman phải đích thân đến Sài Gòn để tháo

luôn với các viên chức Hoa Kỳ và chính phủ Ngô Đình Diệm với giới pháp trung lập hoá Lào. Một cuộc họp đã diễn ra ngày 20.9.1961 tại một căn phòng nhỏ tại Dinh Gia Long. Ông Diệm trình bày qua một thông dịch viên. Ông giới thích cho Harriman một cách thẳng thắn tại sao ông không tin tưởng Cộng Sản sẽ thi hành hiệp ước sau khi đã ký. Tuy nhiên, Harriman đã không thêm nghe và nhận một lời. Ông xem ra đang ngủ. Ông Diệm chú ý đến thái độ này và hỏi bác mình, nhưng vẫn tiếp tục để cho thôi.

Đến Sĩ Nolting ngồi gần Harriman trên một cái sofa, nhận thấy rằng ông ta đang trải qua một giờ dài và mệt mỏi. Ông cố gắng làm cho ông ta chú ý. Cùng lúc, Harriman gật gù: “Thưa Tổng Thống, tôi có “cảm nghiệm fingertips feeling” (fingertips feeling) rằng Liên Xô sẽ thi hành các điều kiện này và làm cho những người khác tuân theo điều kiện đó. Tôi không thể đưa ra cho ngài bất cứ bằng chứng nào, nhưng có một điều rõ ràng là: nếu ngài không ký hiệp ước này, ngài sẽ mất hết vị trí. Ngài phải chấp nhận.”

Sau đó, Harriman trở lại Genève.

Ngày 22.6.1962, chính phủ liên hiệp Lào được thành lập gồm 3 chính đảng: trung lập 7 ghế, phe Phoumi 4 ghế, phe Pathet Lào 4 ghế và 4 ghế dành cho những người không thuộc đảng phái nào. Đây là chính phủ liên hiệp thứ hai của Lào.

Ngày 23.7.1962, Hiệp ước Hòa Bình tại Lào đã được ký kết. Có 14 quốc gia đứng ra bằng chứng sự trung lập của Lào. Các cố vấn quân sự của Hoa Kỳ được lệnh rút ra khỏi Lào. Nhưng sau đó, 7.000 quân của CSBV chống những người không rút lui mà còn tăng cường thêm. Họ đã xâm nhập vào miền Nam, Mỹ phải can thiệp trực tiếp.

3.- Quyết định ông Diệm

Ông Frederick Nolting, cố vấn Sĩ Hoa Kỳ tại Việt Nam Cộng Hòa, ghi rõ trong cuốn “From Trust to Tragedy” như sau:

“Âm mưu “trung lập hóa” Lào của ông ta (Harriman) là một sự thất bại thảm hại, và sự thù địch ngày càng gia tăng của ông với Tổng Thống Ngô Đình Diệm và gia đình của ông ta, trở thành một yếu tố chủ yếu trong việc lật đổ ông Diệm. Tuy nhiên, thanh thế và ảnh hưởng của Harriman ở Washington lớn đến nỗi trở thành quyết định trong các hành động cốt yếu mà chính phủ chúng ta đã thực hiện trong năm 1963.”

4.- Nhìn vào việc ngoại giao

Trong cuốn hồi ký mang tên “The memoirs of Richard Nixon”, Tổng Thống Nixon có kể lại rằng khi đến Pakistan, ông gặp lại người bạn cũ là Tổng Thống Ayub Khan. Tổng Thống Khan đã nói một cách đau buồn về việc sát Tổng Thống Ngô Đình Diệm:

“Tôi không thể nói – là ra các ông đứng bao giờ ông Diệm ngay từ đầu. Nhưng các ông đã ông Diệm ông ta trong một thời gian dài và mọi người ở Á Châu đều biết điều đó. Dù họ có tán thành hay không tán thành điều đó, họ biết điều đó. Rồi đột nhiên các ông ngừng ông Diệm – và ông Diệm đã bị giết.” Ông ta lắc đầu và kết luận: “Việc sát ông Diệm có ba ý nghĩa đối với các nhà lãnh đạo Á Châu: làm mất lòng tin của người Hoa Kỳ là nguy hiểm; trung lập phải trở lại giá của nó; và đôi khi làm kẻ thù (của Hoa Kỳ) lại tốt hơn! Lòng tin cộng đồng mong manh và một khi nó đã đứt, rất khó mà nối lại.”

Một điều bất ngờ nữa, sau này ông Nixon cũng làm giống hệt chính phủ Kennedy.

5.- Kennedy quay ngoặt lại và bị giết

Sau khi lật đổ và giết ông Diệm, Tổng Thống Kennedy không còn tin tưởng vào cuộc chiến thẳng thắn tại miền Nam Việt Nam. Trong cuốn hồi ký báo ngày 14.11.1963, Tổng Thống hỏi: “Bạn có chào thua tại miền Nam Việt Nam không?” Rồi ông trả lời câu hỏi của chính mình: “Chẳng gì tình quan trọng nhất, dĩ nhiên là cho nền an ninh của chúng ta, nhưng tôi không muốn Hoa Kỳ

đưa quân tác chiến sang đó.” Sau đó ông nói: “Giờ đây mục tiêu của chúng ta là đưa quân nhân Hoa Kỳ về nước, cho phép Việt Nam duy trì lấy nền chính phủ của mình.”

Trong khi đó, các thế lực bên ngoài đang làm mọi cách để mở rộng chiến tranh và đưa quân vào Việt Nam. Vì thế, Tổng Thống Kennedy đã bị giết ngày 23.11.1963 tại Dallas.

BỘ TRƯỞNG THUỐC ĐA KISSINGER

1.- Những lời tiên đoán

Chúng tôi xin nhắc lại, trong công điện gửi cho Bộ Ngoại Giao lúc 2 giờ chiều ngày 7.9.1963, Đại Sứ Cabot Lodge có kể lại lời ông Ngô Đình Nhu đã nói với ông như sau:

“Tôi báo động về những gì sắp xảy ra trong Quân Lực. Nếu tôi ra đi, Quân Lực sẽ nắm chính quyền. Bên cốt nhai của CIA và USIS này sẽ phá hoại nền chính trị.”

(I am alarmed by what's going on in the Armed Forces. If I leave, the Armed Forces will take over the government. 'Ces grenouillards' (which I translate as "these schemers" or 'these contrivers') of the CIA and USIS will sabotage the war effort.)

Trong công điện gửi Bộ Ngoại Giao lúc 6 giờ 39 phút chiều ngày 29.10.1963, Đại Sứ Lodge trình bày chiều ngày 25.10.1963, ông Trần Trung Dung, cựu Phó Tá Bộ Trưởng Quốc Phòng, đã nói với viên chức CIA rằng ông đã biết các thế lực lãnh đạo đang làm đảo lộn chính trị trong vòng 10 ngày. Theo ông biết, các thế lực lãnh đạo không tiếp xúc với các nhà lãnh đạo dân sự. Ông ta bày tỏ mối lo ngại về quan tâm và khả năng và ý định của các Thế lực Lãnh đạo. “Ông ta coi đa số các Thế lực Lãnh đạo không gì khác hơn là các trung sĩ được Pháp huấn luyện trong quân phục của Thế lực Lãnh đạo” (He consider majority of Generals no more than French trained sergeants in Generals' uniforms)... Theo ông ta, các Thế lực Lãnh đạo thiếu kinh nghiệm chính trị cần thiết để đưa hành chính phủ.

Những lời tiên đoán này đã trở thành hiện thực. Trong tác phẩm “President Kennedy, Profile of Power”, sử gia Richard Reeves đã ghi lại tình trạng tại miền Nam sau khi chế độ Ngô Đình Diệm sụp đổ và các thế lực lãnh đạo Việt Nam lên nắm chính quyền như sau:

“Ngay khi đó, vì các mục tiêu thực tế, đã cai quản đất nước. Các thế lực lãnh đạo Việt Nam có thể có các máy quay phim, những lo lắng và chế độ kiểm soát và chế độ tại Washington, thủ đô mới của miền Nam Việt Nam. Họ chế độ những người mà ông Diệm từng chế độ, sẵn sàng bắt đầu công việc thực sự của mình!”

Một số thế lực lãnh đạo miền Nam đã từng nguyện làm lính Khố Xanh (Gardes Indigènes) hay lính Khố Đồi (Tirailleurs) cho Mỹ. Số một chế độ lên đến cao điểm khi người Mỹ đưa hai nhân viên CIA của họ là Thế lực Nguyễn Văn Thiệu và Thế lực Trần Thiện Khiêm lên nắm chính quyền và cho nhân viên CIA thay thế là Thế lực Đặng Văn Quang để chế độ Thế lực Thế lực Thiệu để theo dõi. Thế lực này trở thành chuyên viên “kinh tài” cho Thế lực Thế lực Thiệu. Thế đó, người Mỹ đã từng quy định để họ lấy sự phục vụ của miền Nam Việt Nam.

2.- “Việt Nam hoá” chiến tranh

Vì không tìm thấy được thế lực mới cách dễ dàng và nhanh chóng sau khi giết ông Diệm và đưa quân vào Việt Nam như người Mỹ từng nghĩ, kể từ đầu năm 1968, Hoa Kỳ bắt đầu có gắng làm tiêu hao lực lượng của Cộng quân và “Việt Nam hoá” chiến tranh để rút lui. Vì thế Hà Nội lập kế hoạch tấn công Tết Mậu Thân là một cố gắng để Hoa Kỳ làm tiêu hao lực lượng của địch. Các tài liệu cho thấy chính phủ VNCH liên Hoa Kỳ đã nhận được khá nhiều tin tức về Việt Cộng sự tấn công vào dịp Tết Mậu Thân. Cơ quan tình báo Hoa Kỳ biết rõ Hà Nội sẽ chi viện thành phố Huế và dùng nó để làm thủ đô của Mặt Trận Giải Phóng Miền Nam, nên Mỹ đã từng ngăn cản, lập kế hoạch để tiêu diệt toàn bộ lực lượng này.

Trước Tết Mậu Thân hai tuần, quân đội Hoa Kỳ đã ra lệnh cho Sư Đoàn 1 Không Quân di chuyển từ An Khê, Bình Định, ra Vùng I Chiến Thuật, để tiếp viện cho mặt trận Khe Sanh, những khi ra tới Huế, sư đoàn này được lệnh dừng lại và đóng ở Phú Bài, phía đông nam thành

phố Huế. Số Đoàn Dù của VNCH cũng được Hoa Kỳ yêu cầu tăng viện cho Vùng I mới Chiến Đoàn. Vì thế, trước Tết, Bộ Tổng Lãnh Sự Đoàn Dù đã gửi ra Vùng I Tiểu Đoàn 2 và Tiểu Đoàn 9. Đến tháng 2 Tết gửi thêm Tiểu Đoàn 7. Ba tiểu đoàn này đã mai phục ở vùng Sà đỗng chờ tấn công vào thành phố Huế. Nhờ vậy, khoảng 7.500 Công quân chiếm thành phố Huế đã bắt tiêu diệt hoàn toàn phân nửa.

Trong khi đó, Tổng Thống Thiệu cũng được báo tin khá đầy đủ về Vị trí Công sự tấn công vào dục Tổng Mục Thân, nhưng ông không tin chuyện đó có thể xảy ra, nên ông không ra lệnh ngừng chiến và đã đi Mỹ Tho ăn Tết quê nhà!

Sau trận Mục Thân, tháng 5 năm 1970, Hoa Kỳ phái hạm đội Quân Lực VNCH mang các cuộc hành quân qua Cam-bốt phá hủy kho vũ khí và 300 xe của các loại. Nhưng khi mang cuộc hành quân Lam Sơn 719 qua Lào vào tháng 2/1971, cho Số Đoàn Dù tiến chiếm miền khu 604 của Công quân miền gần thành phố Tchépone của Lào, đến 5 số đoàn Công quân đang lưu lạc trong vùng này nhận cuộc bắt tiêu diệt thì bắt đầu rút lui vì Tổng Thống Thiệu bắt đầu nhẩy vào phá vỡ kế hoạch hành quân, làm Quân Lực Mỹ và VNCH bắt đầu thông tin rút lui. Washington điên lên.

3.- Quyết định bỏ miền Nam

Qua cuộc hành quân nói trên. Người Mỹ nhận ra rằng “các trung sĩ được Pháp huấn luyện trong quân phục Tổng Lãnh” không đủ khả năng tiếp tục đi đầu khiến cuộc chiến sau khi Mỹ rút, cho dù được viện trợ tài trợ. Vì thế, Tổng Thống Nixon đã quyết định bỏ miền Nam và phái Bộ Trưởng Thuộc Địa Kissinger qua Trung Quốc thông tin thông điệp giao miền Nam cho Trung quốc. Vào tháng 8 năm 2004, nhân kỷ niệm 30 năm ngày Tổng Thống Nixon từ chức (9.8.1974 đến 9.8.2004) Miller Center of Public Affairs thuộc Đại Học Virginia đã cho công bố băng ghi âm các cuộc nói chuyện giữa Nixon và Kissinger. Tài liệu này cho biết một câu đang mang cuộc oanh tạc Bắc Việt trong suốt mùa xuân và mùa hè 1972, Tổng Thống Nixon kết luận rằng Hoa Kỳ “nghe thấy” “Nam Việt Nam có thể không bao giờ còn tồn tại dù bằng cách nào.” (South Vietnam probably can never even survive anyway).

Tổng Thống Nixon đã hỏi Kissinger rằng “chúng ta có thể có một chính sách ngoại giao sống còn (a viable foreign policy) nếu một năm kể từ bây giờ hay hai năm kể từ bây giờ, Bắc Việt thôn tính Nam Việt Nam? Đó thì là vấn đề.”

Kissinger trả lời: “Nếu một hay hai năm kể từ bây giờ, Bắc Việt thôn tính Nam Việt Nam, chúng ta có thể có một chính sách ngoại giao sống còn nếu coi điều đó như là kết quả của sự bất tài của người Nam Việt Nam (if it's the result of South Vietnamese incompetence.)

Trái lại, trong cuộc nói chuyện với Thứ Trưởng Chu Ân Lai ngày 20/6/1972 tại Bắc Kinh, khi Chu Ân Lai nói Trung quốc sẽ không nói chuyện với Hoa Kỳ chừng nào Hoa Kỳ chưa rút khỏi Việt Nam, Kissinger trả lời:

“Chúng tôi đã không làm việc đó dù rất trân trọng quan hệ giữa hai nước chúng ta. Then chốt quan hệ giữa chúng ta là để mọi sự diễn biến một cách hòa bình, chứ không phải là hành động thiêu hủy danh dự. Nếu chúng tôi có thể phân biệt một đường minh này thì chúng tôi cũng có thể phân biệt các đường minh khác, và còn ai tin chúng tôi nữa?”

Như vậy, trong cách nhìn và lý luận của Kissinger, Hoa Kỳ có thể bỏ miền Nam vì đó là “là kết quả của sự bất tài của người Nam Việt Nam”, còn Hoa Kỳ không thể đòi Loan được.

4.- Áp lực VNCH ký Hiệp Định Paris

Một cuộc hòa đàm để chấm dứt chiến tranh Việt Nam đã được tổ chức tại Paris kể từ năm 1968. Trong cuốn “Viet-Nam, Pourquoi les Etats-Unis ont-ils perdu la guerre” (Việt Nam, Tại sao Hoa Kỳ đã thất bại), ông Nguyễn Phú Đức, Cố Vấn Đặc Biệt của Tổng Thống Thiệu về Đại Ngoại giao,

đã viết:

“Cuối cùng hợp, khi chúng tôi gặp mặt mình với nhau, Kissinger muốn biết cảm nghĩ của tôi về bản đồ thảo hiệp Địch, tôi nói với ông về lập trường của Chính Phủ Việt Nam trên hai vấn đề chính - rút quân của Bắc Việt, và không có chính phủ liên hiệp tại Nam Việt Nam - vấn đề không thay đổi. Ông ta hiểu ý tôi đó là những vấn đề nghiêm trọng. Tôi cách nghĩa cho ông ta rằng đó là vấn đề sinh tử của Nam Việt Nam... Tôi thậm chí như những Hiệp Địch này, với những tin tức của nó hiện tại, sẽ đưa đến sự sụp đổ của Nam Việt Nam.” (trang 361)

Ngày 18.10.1972 Kissinger đã bay đến Saigon để làm áp lực buộc Tổng Thống Thiệu phủ quyết nghị nghị định dung bản đồ thảo hiệp, với hy vọng sẽ mang bản đồ thảo hiệp đó ra Hà Nội ngày 24.10.1972 để Tổng Thống Phạm Văn Đồng ký tắt vào. Nhưng Kissinger đã thất bại. Chỉ trong một thời gian ngắn, phía Việt Nam Cộng Hòa đã phát hiện ra đến 23 điểm của phiên đàm hiệp định. Kissinger chấp nhận ý đàm hiệp định 16 điểm không quan trọng mà thôi. Số còn lại phải để nguyên. Cuối cùng thoả hiệp nên gay cấn với hai điểm then chốt là việc chấp nhận cho quân đội Bắc Việt đi lại miền Nam Việt Nam và việc thành lập một Hội Đồng Hòa Giải Hòa Hợp giữa chính phủ liên hiệp. VNCH coi đây là một cách bán đất miền Nam Việt Nam cho Hà Nội nên cương quyết không nhượng bộ.

Thất bại với VNCH, Tổng Thống Nixon và Kissinger quay lại làm áp lực với Hà Nội. Kissinger đưa ra một bản đồ thảo hiệp, yêu cầu Hà Nội tái thảo luận, nhưng Hà Nội từ chối. Tổng Thống Nixon liền gửi cho Hà Nội một thông điệp nói rằng nếu Hà Nội không chấp nhận thảo luận một cách nghiêm chỉnh thì sau 72 tiếng đồng hồ nhà Hoa Kỳ sẽ ném bom trở lại tới vĩ tuyến 20 trở lên. Ngày 18.2.1972, khi thời hạn này chấm dứt, hàng loạt B.52 đã bay đến ném bom xuống các căn cứ quân sự ở Hải Phòng và Hà Nội. Đây là những khu vực của hải là mục tiêu đánh phá tàn phá.

Cùng lúc đó, Tổng Thống Haig đến các điểm Saigon với sự mong muốn hòa hoãn và để đưa. Trong thông điệp trao cho Tổng Thống Thiệu ngày 14.11.1972, Tổng Thống Nixon có cam kết:

“Tôi tuy nhiên cam đoan với Ngài rằng nếu Hà Nội không tuân theo những điều kiện của Hiệp Địch này thì tôi cương quyết sẽ có hành động trả đũa mau lẹ và ác liệt.”

Nhưng Tổng Thống Haig cũng không quên lập lại lời đe dọa của Washington rằng nếu Tổng Thống Thiệu không chấp nhận bản đồ thảo hiệp Địch mới, Hoa Kỳ sẽ cắt đứt viện trợ và ký một hiệp định riêng với Bắc Việt.

Tổng Thống Thiệu thấy bất lợi Bắc Việt cố gắng đi đàm hiệp định không rút quân đội khi Hoa Kỳ rút hết, họ sẽ mua vũ khí công nghệ, nhưng báo cáo rằng báo chí của Tổng Thống Ngô Đình Diệm khi Mỹ mua đem quân vào, Tổng Thống Thiệu đã trả lời an ninh nhưng lại cam kết của Tổng Thống Nixon mà Tổng Thống Haig mới chuyển đến, kèm thêm một số quân đội đến tiếp tế khi cần qua chương trình Enhance và Enhance Plus, đã ra lệnh cho ký kết bản Hiệp Địch Paris ngày 27.1.1973, một bản hiệp định Địch mà ông thấy có quá nhiều điểm thất bại.

KHÔNG CÂN BỊ T ĐỊCH MINH VÀ ĐỊCH

Sau khi buộc VNCH ký Hiệp Địch Paris xong, ngày 29.6.1973 Hội Viên Hoa Kỳ biểu quyết đồng thuận các hoạt động quân sự của Hoa Kỳ trên toàn lãnh thổ Đông Nam Á. Đồng thuận này đã được thông qua ngày 21.9.1973. Đến ngày 12.10.1973, Hội Viên Hoa Kỳ lại thông qua đồng thuận hạn chế quy định của Tổng Thống trong việc đưa quân đội Hoa Kỳ ra ngoài quốc gia. Đến đây, VNCH phải hiểu ngay rằng Quân Địch Mỹ sẽ không trở lại Đông Dương nữa và VNCH phải tìm một giải pháp khác để sinh tồn. Những điều đáng tiếc là Tổng Thống Thiệu đã không hiểu như thế!

Tổng Thống Thiệu có những mặt khá phiến diện, nhưng lại có cái đầu óc, biết rút ít về chính trị quân sự, những hành động theo cảm tính và sẽ đưa đoán của mình, KHÔNG CÂN BỊ T

ĐANG MINH VÀ ĐANG CHANG LÀM GÌ. Ông đúng là một “trung sĩ đầu c Pháp huấn luyện trong quân phục Táng Lán” như ông Trần Trung Dung đã nói với Đái Sĩ Cabot Lodge.

Mái lán xáy ra bián cá gì, ông đều có báo cáo pái nghiên cứu và đề nghị giải pháp, nhưng sau khi liác qua phúc trình của cáp dái, ông xáp vào đề nghị há sẽ rái hành động theo những cám nghĩ nông cạn của mình.

Ngái Viát cháng cáng tháng nhác đi nhác lại một câu nói của Táng Tháng Thiáu: “Đáng nghe những gì Cộng Sản nói, mà hãy nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm”. Tuy dáy ngái khác như vậy, nhưng ông không bao giờ cháu “nhìn kỹ những gì Cộng Sản làm”.

Sau khi ký Hiệp Định Paris, trong khi Hà Nội quyát định làm lại con đường 14, gọi là con đường Đông Trường Sơn, đưa quân vào Phước Long và Bình Long rồi đánh thắng xuáng Sài Gòn năm 1976, bỏ qua các tỉnh miền Trung, Táng Tháng Thiáu lại hô hào “cái tá hành chánh” để dác lòng dân và thắng Cộng Sản! Ông bắt các công chức cao cấp đi dá một khóa huấn luyện ở Vũng Tàu và đưa Hoàng Đức Nhã xuống giải quyết luân lý giáo khoa thư lớp đáng u! Tôi nhớ khi báo cá lên diễn đàn, Hoàng Đức Nhã đã đưa tay chá lên trán và nói: “Tôi đi guác trong bóng tên Võ Nguyên Giáp!”

Cháng những không quan tâm đến các khuyến cáo của cá quan DAO, Táng Tháng Thiáu còn quyát định bỏ Phước Long “để xem Mỹ nó làm gì”, tác xem Hoa Kỳ có “hành động trả đũa mau lá và ác liệt” như Táng Tháng Nixon đã hứa không!

Khi vián trá quân sự báo cáo tán, Táng Tháng Thiáu không nghĩ phải tìm một giải pháp chính trị mà cho rằng Mỹ cho 2 tá, ta giải cứu miền Nam. Mỹ rút xuáng còn 700 triệu u, ta chỉ giải một phần lãnh thổ thôi. Ông làm như miền Nam là của Mỹ, ông chỉ là người làm công hay lính đánh thuê. Ông cho mời Chuán Táng Ted Sarong, một chuyên viên du kích chiến của Úc, hợp tác với Táng Đáng Văn Quang, một tay chuyên đi làm tián, lập kế hoạch bá Vùng I và Vùng II và thiát lập một phòng tuyến mới ở Tây Ninh đến Nha Trang, gọi là kế hoạch “Đáu Bé Đít To”, để giải phần đất còn lại! Kế hoạch này đã bị phê phán nặng nề, nhưng ông vẫn cho thi hành, làm một miền Nam nhanh chóng.

LáY THÚNG ÚP VOI

Mác đều các tài liệu bí mật về chiến tranh Việt Nam đã dác Hoa Kỳ cho tiát lá gần hết, một số người Viát cháng Cộng vẫn chỉ tráng đề nghị nhác đến những chuyện bí ẩn này và chỉ nên nói đến những thất bại của Cộng Sản. Họ muán láy thúng úp voi, mác đều không thể làm được. Điáu quan trọng không phải là “láy thúng úp voi”. Điáu quan trọng là phải rút kinh nghiệm để chá để tìm ra một hướng đi mới giải phóng dân tộc.

(Ngày 30.6.2009)